TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: 222/2018/HC-PT Ngày 26 - 6 - 2018 V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính về việc xác định vị trí đất khi thu hồi"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

Ông Võ Văn Khoa.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bích Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2017/TLPT-HC ngày 19 tháng 10 năm 2017 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính về xác định vị trí đất khi bị thu hồi".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2017/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 610/2018/QĐ-PT ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Phường A, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- *Người bị kiện*:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: phường C, thành phố D, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phan Văn M – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).
- Ông Nguyễn Tấn D – Trưởng phòng Phòng giá đất và bồi thường, Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (có đơn xin vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân thành phố B (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Phường E, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hồ Sỹ P – Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B. (có mặt)

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Trọng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/3/2017, ông T có đơn khởi kiện Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 16/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, yêu cầu hủy Quyết định số 331/QĐ-UBND này và Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B, Quyết định số 6626/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND thành phố B. Yêu cầu UBND thành phố B bồi thường diện tích 130m^2 bị thu hồi theo vị trí 5, đường loại 2 đường F, nếu tính theo đường hẻm G thì thuộc vị trí 2 đường loại 4, mà không phải vị trí 5.

Người khởi kiện Nguyễn Trọng T trình bày yêu cầu khởi kiện: Đất của ông T là đất thừa kế của cha mẹ ông T được tách sổ từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số XX do UBND thành phố B cấp ngày 02/6/2008 cho ông Nguyễn Thành D1 và bà Nguyễn Thị S, sau đó sang tên cho ông T. Đất của cha mẹ ông T đã được Nhà nước công nhận là vị trí 5, đường loại 2, khi làm thủ tục tách thửa, sang tên cho ông T thì phải lấy theo hiện trạng đất ban đầu. Do đó vị trí đất của ông T là vị trí 5, đường loại 2 đường 30/4 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số YY đã cấp cho ông T và tại Quyết định số 6626/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND thành phố B phần nguồn gốc có phê duyệt "Tại cuộc họp Hội đồng kết luận: Bồi thường 130m^2 đất nông nghiệp vị trí 5 đường loại 2 (đường 30/4) thuộc diện tích bìa đỏ theo bảng giá đã được khảo sát tại Quyết định số 1010/QĐ-UBND ngày 03/5/2013 của UBND Tỉnh", tuy nhiên lại bồi thường vị trí 5, đường loại 4 là không phù hợp. UBND thành phố B cho rằng diện tích đất của ông T bị thu hồi là không có đường ra nên chuyển từ vị trí 5 đường loại 2 xuống vị trí 5 đường loại 4 theo khoản 4 Điều 8 Quyết định 65/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu quy định bảng giá đất định kỳ 5 năm trên địa bàn tỉnh là không chính xác, vì hẻm vào khu đất của ông T là hẻm 4m, đường hẻm này gia đình ông T tự mở khi làm thủ tục tách thửa. Ngày 10/4/2017 UBND Phường A, thành phố B xác nhận trong khuôn viên đất của ông Nguyễn Thành D1 (cha ông T) khi tách thửa có mở hẻm 4 m. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ZZ do UBND thành phố B cấp cho ông Nguyễn Công Đ có thể hiện lối đi chung là đường hẻm 4m^2, trong khi diện tích 130 m^2 đất ông T bị thu hồi nằm đối diện với đất của ông Đ và cả hai diện tích đất này đều có nguồn gốc là đất của ba, mẹ ông T tách thửa và sang tên cùng mở hẻm 4m như nhau.

Đường đi là do dân tự thỏa thuận mở, sau đó mới quy định là đường giao thông theo khoản 1 Điều 171 Luật Đất đai. Ông T yêu cầu được bồi thường tính theo đường G vì từ vị trí đất bị thu hồi ra đường hẻm G (đường hẻm 58 G được công nhận loại 4 năm 2007) khoảng 100m. Nếu tính theo đường G thì đất gia đình ông T phải là vị trí 2, đường loại 4, và diện tích đất của ông T liền kề với đất của bà Nguyễn Thị Thanh H cũng đã được bồi thường theo vị trí 2 đường loại 4 đường G. Từ vị trí đất của ông T ra đường 30/4 là 1,1km. Do đó, việc thu hồi đất và phê duyệt kinh phí bồi thường thì phải tính lợi cho dân và tính theo vị trí đường gần nhất (theo văn bản số 324/HĐND-VP ngày 27/6/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Văn bản số 5622/UBND ngày 14/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

Người bị kiện trình bày:

Về hình thức, căn cứ Luật Đất đai năm 2013, Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Luật khiếu nại năm 2011, Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh thì Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 14/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), Quyết định số 6626/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho h ộ ông (bà) Nguyễn Trọng T, Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 16/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được ban hành đúng thủ tục, trình tự và thẩm quyền.

Về nội dung, phần diện tích đất ông T sử dụng, bị thu hồi là 130m^2 thuộc một phần thửa đất có diện tích 808,5m^2 đất trồng cây lâu năm do UBND thành phố Vũng Tàu cấp cho hộ ông (bà) Nguyễn Trọng T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số YY ngày 09/6/2010. Theo xác nhận của UBND Phường 12 thì đất thu hồi là đất trống . Theo bản đồ địa chính không thể hiện diện tích thửa đất của ông T có lối đi và sơ đồ vị trí đất ngày 09/6/2010 kèm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đ ất số YY ngày 09/6/2010 và trên thực tế thửa đất không có đường hẻm công cộng ra (lối ra). Như vậy, trường hợp thửa đất không có lối ra thì giá đất được tính theo vị trí thấp nhất của đường phố chính gần nhất. Do vậy, căn cứ khoản 4 Điều 8 Quy định bảng giá đất năm 2013 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh, vị trí đất của ông T bị thu hồi được xác định từ vị trí 2, đường loại 4 xuống vị trí 5, đường lọai 4 theo đường G là con đường chính gần nhất với lô đất của ông T là đúng quy định. Việc ông T cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cha mẹ ông T năm 2008 và năm 2010 chuyển sang cho ông T thể hiện vị trí 5 và đường loại 2 là không đúng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện có lối đi vào khu đất của ông T. Nội dung ông T yêu cầu theo đơn giá đất đường loại 2, vị trí 5 (tính theo đường 30/4 hoặc vị trí 2 đường loại 4 (tính theo đường hẻm G) là không có cơ sở. Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định 331/QĐ-UBND ngày 16/02/2017, Chủ tịch UBND thành phố B ban hành Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 14/9/2014 và Quyết định số 6626/QĐ-UBND ngày

13/12/2013 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho h ộ ông Nguyễn Trọng T, là đúng quy định.

Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 30/2017/HC-ST ngày 03 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ khoản 4 Điều 8 Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T yêu cầu hủy Quyết định số 6626/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND thành phố Vũng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Trọng T, Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 16/2/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông T đối với Quyết định số 6626/QĐ-UBND.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14/8/2017, người khởi kiện ông Nguyễn Trọng T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện ông Nguyễn Trọng T không rút đơn kháng cáo và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: sửa án sơ thẩm theo hướng hủy Quyết định Quyết định số 6626/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND thành phố Vũng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Trọng T, Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 16/2/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông T đối với Quyết định số 6626/QĐ-UBND. Ngoài ra, ông T còn trình bày việc ban hành các quyết định trên về việc áp giá đền bù cho ông của Ủy ban nhân dân Thành phố B làm gia đình ông bị thiệt hại về tiền không lớn (chỉ khoảng mười mấy triệu) nhưng nó thể hiện sự không công bằng bởi: Có những hộ cũng được gia đình ông bán đất và đi cùng đường hẻm do gia đình ông làm lại được tính giá đền bù vị trí 5 đường loại 2; thực tế đất của ông là có lối đi ra đường do cha ông khi tách thửa thì làm đường chứ không như án sơ thẩm nêu là vẫn thuộc chủ quyền của gia đình ông; thực tế hẻm 58 đã được lên đường (ông không có chứng cứ chứng minh nhưng vì nó đã được sử dụng chung).

Phía người bị kiện do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày tranh luận: ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T về việc yêu cầu hủy các Quyết định nêu trên; đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm. Việc ông T nêu trường hợp những hộ cũng có đất như của hộ

ông mà được bồi thường giá khác là không đúng bởi những hộ này mới thực hiện hợp đồng mua bán với cha ông T và chưa tách thửa nên tính giá đền bù theo thửa đất nguyên khối của cha mẹ ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng để phán xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người bị kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện, quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự được thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nhận định, đánh giá chứng cứ và phán quyết của bản án sơ thẩm:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện trước năm 1975 ông Nguyễn Thành D1 và bà Nguyễn Thị S khai phá diện tích đất khoảng 25.387m^2 đất đồi trọc để làm đất trồng cây lâu năm tọa lại tại Phường A, thành phố B. Năm 1993, gia đình ông D1 làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND thành phố B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1993, được điều chỉnh lại ngày 13/4/2004 có diện tích 25.387m^2 thuộc thửa số 740, tờ bản đồ số 33. Khoảng năm 2000 thì gia đình ông D1 tự mở đường đất có chiều rộng 4m vào khu đất để chia thành nhiều lô đất khác nhau, diện tích ông D1, bà S sử dụng mở đường thì ông D1, bà S không làm đơn cam kết giao phần đất mở lối đi chung cho Nhà nước quản lý và vẫn nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông D1, bà S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 598318 do UBND thành phố B cấp ngày 17/3/2008.

Năm 2008 ông D1, bà S làm thủ tục tách nhiều thửa khác nhau cho các hộ đã mua đất trước đó và tặng cho các con. Năm 2010, ông D1, bà S cho con trai là ông Nguyễn Trọng T diện tích 808,5m^2 thửa số 178, tờ bản đồ số 67 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số YY ngày 09/6/2010 của UBND thành phố B cấp cho ông T, mục đích sử dụng đất nông nghiệp, sơ đồ thửa đất không thể hiện tứ cận của thửa đất giáp đường đi, bản đồ địa chính năm 2015 thể hiện diện tích đất của ông T ở thửa số 178, tờ bản đồ số 67 không giáp đường. Nhưng người khởi kiện cho rằng thửa đất có lối đi chung ra hẻm chung rộng 4m do cha mẹ ông mở.

Người bị kiện vẫn giữ nguyên quan điểm như đã nêu trong quá trình giải quyết xét xử tại cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không

chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định "Cho đến nay, ông T vẫn chỉ đứng tên giấy chứng nhận QSD đất thửa số 178, tờ bản đồ số 67 do cha mẹ cho năm 2010. Việc ông D1, bà S tự mở lối đi chung chưa được đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vẫn nằm trong giấy chứng nhận của bà S. Từ thửa đất của ông T muốn ra hẻm G phải đi qua thửa đất số 67 của bà S và bị bao bọc bởi các thửa đất khác. Đường phố chính gần nhất với thửa đất của ông T là đường hẻm 58 G.

Như vậy, lời khai của ông T phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định diện tích 130m^2 đất của ông T bị thu hồi không có lối ra, đường phố chính gần nhất là đường hẻm 58 G (bởi đường 04m gia đình cha mẹ ông T chưa làm lối đi, vẫn thuộc quyền sử dụng đất trong sổ của hộ ông D1, bà S). Do đó, việc áp dụng khoản 4 Điều 8 của Quy định bảng giá các loại đất năm 2013 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu "*Thửa đất trong đô thị tọa lạc trong hẻm nối ra nhiều đường phố chính thì giá đất quy định như sau:…. Trường hợp thửa đất không có lối ra thì giá đất được tính theo vị trí thấp nhất của đường phố chính gần nhất"* là đúng.

Các Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 16/2/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B và Quyết định số 6626/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND thành phố B đã xác định bồi thường diện tích 130 m^2 đất của ông T bị thu hồi theo đất nông nghiệp vị trí 5 đường loại 4 đường hẻm 58 G, là có căn cứ. Không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện cũng như yêu cầu kháng cáo của ông T.

Mặt khác, phần quyết định của bản án sơ thẩm đã nêu căn cứ văn bản hành chính cá biệt không phải là luật và văn bản quy phạm pháp luật để tuyên xử là chưa đúng với quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng xét xử phúc thẩm nêu để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, Tòa án cấp sở thẩm đã xem xét đầy đủ các chứng cứ và làm rõ những tình tiết trong vụ án đưa đến phán quyết đúng. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Trọng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên Tòa phúc thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: ông T phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Trọng T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T yêu cầu hủy Quyết định số 6626/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND thành phố Vũng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Trọng T, Quyết định số 3524/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của Chủ tịch UBND thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 16/2/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông T đối với Quyết định số 6626/QĐ-UBND.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Trọng T phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông T đã nộp theo biên lai thu số 0002269 ngày 13/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên ông T đã nộp xong.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Trọng T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0003568 ngày 30/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Tòa án nhân dân tỉnh BR-VT (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BR-VT (1);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh BR-VT (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu VP (3), hồ sơ vụ án (1), NTBP, 13.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên